

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MINH ĐỨC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MINH ĐỨC

Tổ dân phố Quyết Hùng, Phường Minh Đức, Thành phố Thủy Nguyên,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Minh Đức (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Khản	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 6/5/2024), Thành viên
Ông Lại Văn Lườn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 6/5/2024)
Ông Phạm Tiến Đức	Phó chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 6/5/2024)
Ông Đinh Hữu Nam	Thành viên
Ông Lê Văn Hiến	Thành viên

Ban Giám đốc, người đại diện theo pháp luật

Ông Phạm Văn Khản	Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật
Ông Lại Văn Lườn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MINH ĐỨC

Tổ dân phố Quyết Hùng, Phường Minh Đức, Thành phố Thủy Nguyên,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phạm Văn Khấn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 21 tháng 03 năm 2025



Số. 09.1/BCKT-UHYHP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa chất Minh Đức

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Minh Đức (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Hồng Hiên

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1117-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

Hải Phòng, ngày 21 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Đức Quỳnh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1016-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.160.440.499	68.870.852.209
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.380.457.394	10.602.634.312
1 Tiền	111		2.380.457.394	10.602.634.312
II Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.056.819.770	42.397.180.458
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	23.406.182.828	25.388.535.081
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	19.185.701.387	20.657.666.637
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	7	124.421.220	172.594.105
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5	(3.659.485.665)	(3.821.615.365)
III Hàng tồn kho	140	8	11.610.303.381	15.678.511.645
1 Hàng tồn kho	141		11.610.303.381	15.678.511.645
IV Tài sản ngắn hạn khác	150		112.859.954	192.525.794
1 Thuế GTGT được khấu trừ	152		112.859.954	192.525.794
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		93.102.905.803	72.090.398.662
I Các khoản phải thu dài hạn	210		1.131.674.306	1.131.674.306
1 Phải thu dài hạn khác	216	7	1.131.674.306	1.131.674.306
II Tài sản cố định	220		6.400.859.159	7.851.515.911
1 Tài sản cố định hữu hình	221	9	6.400.859.159	7.851.515.911
- Nguyên giá	222		117.875.415.175	115.802.947.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(111.474.556.016)	(107.951.431.089)
III Tài sản dở dang dài hạn	240	10	85.570.372.338	63.107.208.445
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		85.570.372.338	63.107.208.445
IV Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	11	1.230.000.000	1.230.000.000
2 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	11	(1.230.000.000)	(1.230.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		146.263.346.302	140.961.250.871

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		67.492.333.890	66.966.130.856
I Nợ ngắn hạn	310		66.722.198.755	64.374.671.457
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	13.079.345.860	6.694.597.087
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		29.473.151	2.518.311
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	771.910.627	2.179.219.439
4 Phải trả người lao động	314		2.743.496.042	2.482.426.746
3 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		775.386.216	-
5 Phải trả ngắn hạn khác	319		171.648.241	146.239.866
6 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	46.081.440.276	50.335.440.276
7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.069.498.342	2.534.229.732
II Nợ dài hạn	330		770.135.135	2.591.459.399
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	770.135.135	2.591.459.399
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78.771.012.412	73.995.120.015
I Vốn chủ sở hữu	410	15	78.771.012.412	73.995.120.015
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		49.744.500.000	49.744.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		49.744.500.000	49.744.500.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	418		12.123.199.397	3.811.864.593
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.903.313.015	20.438.755.422
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	10.948.900.000
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		16.903.313.015	9.489.855.422
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		146.263.346.302	140.961.250.871



Phạm Văn Khấn
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 21 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Hường
Kế toán trưởng

Lê Văn Hiến
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		133.947.054.076	119.444.662.593
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		854.276.254	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	133.092.777.822	119.444.662.593
4 Giá vốn hàng bán	11	18	97.991.313.327	86.299.631.845
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.101.464.495	33.145.030.748
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21		425.812.272	68.526.837
7 Chi phí tài chính	22	19	195.501.916	1.276.751.400
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8 Chi phí bán hàng	25	20	9.460.549.070	10.081.766.213
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	6.956.129.527	9.469.143.551
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.915.096.254	12.385.896.421
11 Thu nhập khác	31		126.657.805	716.826.698
12 Chi phí khác	32		487.500.000	-
13 Lợi nhuận khác	40	21	(360.842.195)	716.826.698
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.554.254.059	13.102.723.119
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	1.650.941.044	3.612.867.697
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.903.313.015	9.489.855.422
17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	2.888	1.470
18 Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	23	2.407	1.225



Phạm Văn Khấn
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 21 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Hường
Kế toán trưởng

Lê Văn Hiến
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MINH ĐỨC

Tổ dân phố Quyết Hùng, Phường Minh Đức,
Thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.554.254.059	13.102.723.119
2. Điều chỉnh cho các khoản				
1. Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		3.523.124.927	5.345.715.577
2. Các khoản dự phòng	03		(162.129.700)	5.051.615.365
3. (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		106.503.718	-
4. (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.493.025)	(552.128.981)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.017.259.979	22.947.925.080
1. (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		3.582.156.228	5.770.225.835
2. (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		4.068.208.264	(57.081.596)
3. Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.471.681.623	(5.770.819.143)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.162.867.697)	(4.626.633.855)
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.643.252.008)	(2.788.872.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.333.186.389	15.474.743.421
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(24.535.632.068)	(26.790.719.436)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	547.635.956
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.493.025	4.493.025
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.531.139.043)	(26.238.590.455)
1. Tiền thu từ đi vay	33	14	860.000.000	23.195.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	14	(5.114.000.000)	(2.305.282.000)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.821.324.264)	(1.281.324.264)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.948.900.000)	(4.974.450.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.024.224.264)	14.633.943.736
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(8.222.176.918)	3.870.096.702
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	10.602.634.312	6.732.537.610
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	2.380.457.394	10.602.634.312



Phạm Văn Khấn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 21 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Lê Văn Hiến
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Minh Đức là Doanh nghiệp cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty Hóa chất Minh Đức và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0200348588 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp theo giấy đăng ký lần đầu ngày 31/12/1998, thay đổi lần 12 ngày 15/01/2025.

Vốn Điều lệ của Công ty là 49.744.500.000 đồng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 204 người (tại ngày 01/01/2024 là 208 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Sản xuất vôi nhanh, vôi tôi, vôi ngậm trong nước, vôi ngậm nước; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đá vôi; Sản xuất bột đá, sản xuất bột nhẹ; sản xuất đá hạt; Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất bột nhẹ CaCO₃, bột nặng CaCO₃, bột tan và các phụ gia nghiền từ khoáng sản; Sản xuất khí CO₂; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn vật tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty liên kết và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, trong số dư hàng tồn kho đến ngày 31/12/2024 không có hàng tồn kho nào bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Máy móc, thiết bị	06-07
Phương tiện vận tải	04-06
Thiết bị quản lý	03-06

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh năm 2024 được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	7.158.982	88.424.540
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.373.298.412	10.514.209.772
Cộng	2.380.457.394	10.602.634.312

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	23.406.182.828	(3.659.485.665)	25.388.535.081	(3.821.615.365)
Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Minh Đức	9.620.092.282	-	10.466.971.109	-
Công ty Cổ phần K- H-V	3.659.485.665	(3.659.485.665)	3.731.615.365	(3.731.615.365)
Công ty TNHH Minh Đức Sài Gòn	3.554.601.407	-	3.966.296.242	-
Công ty TNHH MTV Tâm Minh Đức	2.964.463.045	-	4.100.330.003	-
Các đối tượng khác	3.607.540.429	-	3.123.322.362	(90.000.000)
Cộng	23.406.182.828	(3.659.485.665)	25.388.535.081	(3.821.615.365)

6. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	19.185.701.387	-	20.657.666.637	-
Công ty TNHH MTV KHKT BVMT Trung Việt (1)	18.753.797.487	-	19.302.993.137	-
Các đối tượng khác	431.903.900	-	1.354.673.500	-
Cộng	19.185.701.387	-	20.657.666.637	-

Ghi chú

(1) Trả trước theo:

- Hợp đồng 260321/HĐMB/MĐ-TV ngày 26/03/2021 để “Mua bán MMTB hệ thống thu hồi khí CO2”, tổng giá trị hợp đồng 53.627.426.050 VND; hệ thống này vẫn đang trong quá trình xây dựng và lắp đặt trong năm.

- Hợp đồng 291020/HĐKT/MĐ-TV ngày 29/10/2020 để “Mua bán MMTB hệ thống lò vôi nung vôi số 03”; tổng giá trị hợp đồng 3.613.400.000 VND; hệ thống này vẫn đang trong quá trình xây dựng và lắp đặt trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MINH ĐỨC

Tổ dân phố Quyết Hùng, Phường Minh Đức,
Thành phố Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng,
CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn khác	124.421.220	172.594.105
Tạm ứng	-	61.000.000
Phải thu khác	124.421.220	111.594.105
Phải thu dài hạn khác	1.131.674.306	1.131.674.306
Ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	431.268.750	431.268.750
Phải thu khác (**)	700.405.556	700.405.556
Cộng	1.256.095.526	1.304.268.411

(*) Ký quỹ Theo hợp đồng thuê tài chính như trình bày tại Thuyết Minh số 14.

(**) Phản ánh khoản hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Kiều Phương thực hiện dự án đầu tư xin cấp phép khai thác mỏ Lèn Bắc thuộc xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An theo biên bản thống nhất số 215/HCMĐ ngày 12 tháng 11 năm 2022, số tiền góp vốn là 700.405.556 đồng, Công ty vẫn đang theo đuổi dự án.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.895.207.217	-	5.814.367.028	-
Công cụ, dụng cụ	177.552.711	-	3.088.300.141	-
Thành phẩm	5.537.543.453	-	6.775.844.476	-
Cộng	11.610.303.381	-	15.678.511.645	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MINH ĐỨC

Tổ dân phố Quyết Hùng, Phường Minh Đức, Thành phố Thủy Nguyên,
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	42.776.932.200	66.393.965.800	4.454.272.000	2.177.777.000	115.802.947.000
Tăng trong năm	-	2.072.468.175	-	-	2.072.468.175
Số dư cuối năm	42.776.932.200	68.466.433.975	4.454.272.000	2.177.777.000	117.875.415.175
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	40.104.182.074	61.559.931.475	4.109.540.540	2.177.777.000	107.951.431.089
Khấu hao trong năm	1.332.998.800	2.171.568.127	18.558.000	-	3.523.124.927
Số dư cuối năm	41.437.180.874	63.731.499.602	4.128.098.540	2.177.777.000	111.474.556.016
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	2.672.750.126	4.834.034.325	344.731.460	-	7.851.515.911
Số dư cuối năm	1.339.751.326	4.734.934.373	326.173.460	-	6.400.859.159

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 89.300.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 93.197.157.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tại ngày đầu năm	63.107.208.445	31.833.866.281
Phát sinh tăng	24.535.632.068	31.273.342.164
Kết chuyển vào tài sản	(2.072.468.175)	-
Tại ngày cuối năm	85.570.372.338	63.107.208.445

Chi tiết theo công trình

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lò vôi vò sắt số 3 (*)	3.876.444.067	3.876.444.067
Hệ thống thu hồi khí CO2 (**)	81.693.928.271	58.780.764.378
Trạm biến áp 1600KV	-	450.000.000
Cộng	85.570.372.338	63.107.208.445

(*) Hệ thống đầu tư lò vôi sắt số 3, hệ thống này được đầu tư để đấu nối vào hệ thống (**).

(**) Trong có đó 81.693.928.271 đồng (tại 01/01/2024 là 58.780.764.387 đồng) là giá trị tài sản thuê tài chính theo hợp đồng thuê được trình bày tại Thuyết minh 13, tài sản tiếp tục được đầu tư để sẵn sàng sử dụng.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty liên kết	1.230.000.000	(*)	1.230.000.000	1.230.000.000	(*)	1.230.000.000
Cộng	1.230.000.000	1.230.000.000	1.230.000.000	1.230.000.000	1.230.000.000	1.230.000.000

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thông tin Công ty liên kết

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty TNHH Đức Phương	Nghệ An	Khai thác mỏ đá	50	50

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MINH ĐỨC

Tổ dân phố Quyết Hùng, Phường Minh Đức,
 Thành phố Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng,
 CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Khang Thịnh	3.013.564.800	3.013.564.800	604.094.350	604.094.350
Công ty TNHH Vina Carbon Việt Nam	4.162.285.997	4.162.285.997	4.162.285.997	4.162.285.997
Công ty TNHH TM XNK Zhonggiemu	4.095.008.274	4.095.008.274	-	-
Các đối tượng khác	1.808.486.789	1.808.486.789	1.928.216.740	1.928.216.740
Cộng	13.079.345.860	13.079.345.860	6.694.597.087	6.694.597.087

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu/nộp trong năm	Số thực thu/nộp trong năm	Số cuối năm
<i>Thuế phải nộp</i>	<i>2.179.219.439</i>	<i>6.288.115.419</i>	<i>7.695.424.231</i>	<i>771.910.627</i>
Thuế giá trị gia tăng	261.859.650	2.585.900.174	2.324.930.295	522.829.529
Thuế TNDN	1.712.867.698	1.650.941.044	3.162.867.697	200.941.045
Thuế TNCN	204.492.091	934.604.875	1.090.956.913	48.140.053
Thuế XNK	-	854.276.254	854.276.254	-
Tiền thuê đất	-	259.393.072	259.393.072	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MINH ĐỨC

Tổ dân phố Quyết Hùng, Phường Minh Đức, Thành phố

Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	50.335.440.276	50.335.440.276	2.681.324.264	6.935.324.264	46.081.440.276	46.081.440.276
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>48.514.116.000</i>	<i>48.514.116.000</i>	<i>860.000.000</i>	<i>5.114.000.000</i>	<i>44.260.116.000</i>	<i>44.260.116.000</i>
Vay các cá nhân (1)	48.514.116.000	48.514.116.000	860.000.000	5.114.000.000	44.260.116.000	44.260.116.000
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.821.324.276</i>	<i>1.821.324.276</i>	<i>1.821.324.264</i>	<i>1.821.324.264</i>	<i>1.821.324.276</i>	<i>1.821.324.276</i>
CT cho thuê TC TNHH MTV QT Chailease (2)	1.821.324.276	1.821.324.276	1.821.324.264	1.821.324.264	1.821.324.276	1.821.324.276
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.591.459.399	2.591.459.399	-	1.821.324.264	770.135.135	770.135.135
CT cho thuê TC TNHH MTV QT Chailease (2)	2.591.459.399	2.591.459.399	-	1.821.324.264	770.135.135	770.135.135
Cộng	52.926.899.675	52.926.899.675	2.681.324.264	8.756.648.528	46.851.575.411	46.851.575.411

(1) Vay các cổ đông Công ty theo các hợp đồng vay cụ thể trong vòng 1 năm, lãi suất vay là 8,4%/năm, khoản vay dùng để đầu tư hệ thống thu hồi khí CO₂, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(2) Vay theo 2 hợp đồng thuê tài chính:

- Hợp đồng thuê tài chính số C2109180P2 ngày 8/11/2022 với tổng gốc vay là 4.016.486.250 VND; tài sản thuê gồm: hệ thống tháp rửa khí CO₂, hệ thống bơm rửa khí CO₂; Thời gian thuê 55 tháng.

- Hợp đồng thuê tài chính số C2306256P2 ngày 27/07/2023 với tổng gốc vay là 4.500.000.000 VND; đã trả trước 1.800.000.000vnd; tài sản thuê gồm: hệ thống rửa khí CO₂ và hệ thống bơm rửa khí CO₂; Thời gian thuê 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT MINH ĐỨC

Tổ dân phố Quyết Hùng, Phường Minh Đức, Thành phố
Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)*Lịch trả nợ thuê tài chính*

	Năm nay			Năm trước		
	Tổng thanh toán tiền thuê VND	Trả tiền lãi thuê VND	Trả tiền gốc VND	Tổng thanh toán tiền thuê VND	Trả tiền lãi thuê VND	Trả tiền gốc VND
Trong vòng một năm	2.148.237.711	326.913.435	1.821.324.276	1.092.016.890	215.692.614	876.324.276
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	955.317.440	185.182.305	770.135.135	3.430.050.060	435.942.121	2.994.107.939
Cộng	3.103.555.151	512.095.740	2.591.459.411	4.522.066.950	651.634.735	3.870.432.215
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(2.148.237.711)	(326.913.435)	(1.821.324.276)	(1.092.016.890)	(215.692.614)	(876.324.276)
Số phải trả sau 12 tháng	955.317.440	185.182.305	770.135.135	3.430.050.060	435.942.121	2.994.107.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn Điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, vốn Điều lệ của Công ty là 49.744.500.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Danh sách các cổ đông lớn của Công ty như sau:

	Vốn đã góp đến			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Cổ phần	VND	Cổ phần
Phạm Văn Khấn	4.477.180.000	447.718	4.477.180.000	447.718
Phạm Tiến Đức	1.622.040.000	162.204	1.622.040.000	162.204
Nguyễn Thanh Uy	-	-	1.190.400.000	119.040
Nguyễn Thanh Quyền	1.190.400.000	119.040	-	-
Lại Văn Lườn	1.248.310.000	124.831	1.248.310.000	124.831
Đình Hữu Nam	800.000.000	80.000	800.000.000	80.000
Lê Văn Hiền	800.000.000	80.000	800.000.000	80.000
Phạm Văn Tố	1.244.650.000	124.465	1.244.650.000	124.465
Phạm Văn Quang	1.161.740.000	116.174	1.161.740.000	116.174
Cổ đông khác	37.200.180.000	3.720.018	37.200.180.000	3.720.018
Cộng	49.744.500.000	4.974.450	49.744.500.000	4.974.450

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	49.744.500.000	1.576.682.863	21.186.507.084	72.507.689.947
Lợi nhuận trong năm	-	-	9.489.855.422	9.489.855.422
Trích lập các quỹ	-	2.235.181.730	(5.263.157.084)	(3.027.975.354)
Chia cổ tức	-	-	(4.974.450.000)	(4.974.450.000)
Số dư đầu năm nay	49.744.500.000	3.811.864.593	20.438.755.422	73.995.120.015
Lợi nhuận trong năm	-	-	16.903.313.015	16.903.313.015
Trích lập các quỹ (*)	-	8.311.334.804	(10.489.855.422)	(2.178.520.618)
Chia cổ tức (*)	-	-	(9.948.900.000)	(9.948.900.000)
Số dư cuối năm nay	49.744.500.000	12.123.199.397	16.903.313.015	78.771.012.412

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024, Đại hội thông qua các phương án phân chia lợi nhuận của năm 2023 như sau:

- Trích lập các quỹ bao gồm: Quỹ khen thưởng 1.452.347.079 đồng; trích quỹ phúc lợi 726.173.539 đồng; và Quỹ đầu tư phát triển: 3.811.334.804 đồng. Ban Giám đốc Công ty sẽ tái trình đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua nội dung phân phối lợi nhuận còn lại về Quỹ đầu tư phát triển 3.811.334.804 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

- Chi trả cổ tức bằng tiền 20% tương đương với 9.948.900.000 đồng;

- Chia cổ tức bằng cổ phiếu 20% tương ứng tăng vốn điều lệ 9.948.900.000 VND từ Quỹ đầu tư phát triển. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu. Ban Giám đốc Công ty tiếp tục trình đại hội đồng cổ đông năm 2025 thông qua nội dung này.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	49.744.500.000	49.744.500.000
- Vốn góp cuối năm	49.744.500.000	49.744.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(9.948.900.000)	(4.974.450.000)

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.974.450	4.974.450
- Cổ phiếu phổ thông	4.974.450	4.974.450
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.974.450	4.974.450
- Cổ phiếu phổ thông	4.974.450	4.974.450
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ tại các ngân hàng (USD)	66.168,95	20.061,85

17. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	133.947.054.076	119.444.662.593
Các khoản giảm trừ doanh thu	(854.276.254)	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	133.092.777.822	119.444.662.593

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	97.991.313.327	86.299.631.845
Cộng	97.991.313.327	86.299.631.845

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	1.428.342	4.493.031
Lãi chênh lệch tỷ giá	424.383.930	64.033.806
Cộng	425.812.272	68.526.837

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	195.501.916	46.751.400
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	1.230.000.000
Cộng	195.501.916	1.276.751.400

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	9.460.549.070	10.081.766.213
Chi phí nhân viên	2.322.895.331	4.841.518.109
Chi phí nguyên vật liệu	502.124.333	2.193.740.616
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	2.461.668.493	471.281.891
Các khoản chi phí bán hàng khác	4.173.860.913	2.575.225.597
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	6.956.129.527	9.469.143.551
Chi phí nhân viên quản lý	4.455.072.590	4.252.462.573
Dự phòng	(162.129.700)	3.821.615.365
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.663.186.637	1.395.065.613

22. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác		
Bán phế liệu	121.442.305	105.424.740
Thu nhập khác	5.215.500	21.233.065
Cộng	126.657.805	126.657.805
Chi phí khác		
Chi phí khác	487.500.000	-
Cộng	487.500.000	-
Lợi nhuận khác	(360.842.195)	126.657.805

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế (*)	18.554.254.059	13.102.723.119
Hoạt động khoa học công nghệ	10.751.542.867	19.324.424.775
Hoạt động khác	7.802.711.192	5.215.500
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.665.663.994	4.961.615.365
<i>Hoạt động khoa học công nghệ</i>	<i>1.213.669.966</i>	<i>4.961.615.365</i>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng : Chi phí không được trừ	1.213.669.966	4.961.615.365
<i>Hoạt động khác</i>	<i>451.994.028</i>	-
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	451.994.028	-
Thu nhập chịu thuế	20.219.918.053	18.064.338.484
<i>Hoạt động khoa học công nghệ</i>	<i>11.965.212.833</i>	<i>24.286.040.140</i>
<i>Hoạt động khác</i>	<i>8.254.705.220</i>	<i>5.215.500</i>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.043.983.611	3.612.867.697
Miễn thuế (*)	(2.393.042.567)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.650.941.044	3.612.867.697

(*) Từ năm 2024, Công ty được hưởng ưu đãi thuế cho doanh nghiệp khoa học công nghệ đối với sản phẩm sản xuất bột nhẹ CaCO₃ và thu hồi khí Co₂, theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ số 44/DNKHCN, ngày 29/11/2023 do Bộ khoa học công nghệ cấp. Theo đó, Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với sản phẩm công nghệ, năm 2024 là năm đầu tiên Công ty áp dụng hưởng ưu đãi.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	16.903.313.015	9.489.855.422
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	(2.535.496.952)	(2.178.520.618)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	14.367.816.063	7.311.334.804
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	4.974.450	4.974.450
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.888	1.470

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 đã được điều chỉnh do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2024. Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 là 1.470 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 trước điều chỉnh là 1.622 VND/CP).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (Tiếp theo)**

Các khoản điều chỉnh năm 2025 là quỹ khen thưởng phúc lợi tạm ước tính theo điều lệ Công ty là 15% tổng lợi nhuận sau thuế, việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi chính thức sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong năm 2025.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu:

Lãi suy giảm trên cổ phiếu đượ tính toán thông qua việc điều chỉnh các số liệu được sử dụng để xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu liên quan tới việc sẽ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông có ảnh hưởng tới số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông được lưu hành, chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông (VND)	16.903.313.015	9.489.855.422
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.535.496.952)	(2.178.520.618)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.367.816.063	7.311.334.804
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành	4.974.450	4.974.450
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu để chia cổ tức (*)	994.890	994.890
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	5.969.340	5.969.340
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND)	2.407	1.225

(*) Số bình quân gia quyền của cổ phiếu cổ tức sẽ được phát hành tăng vốn cổ phần để trả cổ tức năm 2023 với giả định các cổ phiếu này đã được coi như đã lưu hành vào thời điểm Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ đề ngày 24/4/2024.

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hoá	55.398.591.004	57.090.207.287
Chi phí nhân công	25.695.236.337	28.011.249.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.523.124.927	5.345.715.577
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác	28.714.868.333	11.905.376.476
Chi phí dự phòng	(162.129.700)	3.821.615.365
Cộng	113.169.690.901	106.174.163.803

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực dịch sản xuất bột nhẹ, bột nặng, bột tan và các phụ gia nghiên từ khoáng sản, sản phẩm của Công ty được xuất khẩu và tiêu thụ trong nước chủ yếu thông qua các công ty thương mại. Báo cáo bộ phận được lập cho năm tài chính như sau:

	Tiêu thụ	Xuất khẩu	Cộng
	trong nước		
Năm nay	VND	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	109.510.650.438	24.436.403.638	158.383.457.714
Các khoản giảm trừ	-	854.276.254	854.276.254
Doanh thu thuần	109.510.650.438	23.582.127.384	133.092.777.822
Giá vốn của thành phẩm đã bán	87.608.520.351	10.382.792.976	97.991.313.327
Lãi gộp	21.902.130.087	13.199.334.408	35.101.464.495

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc

Ban lãnh đạo	Chức danh
Lại Văn Lườn	Chủ tịch HĐQT- Phó tổng giám đốc
Phạm Tiến Đức	Phó chủ tịch HĐQT - Phó Tổng giám đốc
Phạm Văn Khản	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc
Đình Hữu Nam	Thành viên HĐQT
Lê Văn Hiền	Thành viên HĐQT
Phạm Văn Quang	Trưởng BSK

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	6.685.000.000
Phạm Văn Khản	-	3.585.000.000
Lại Văn Lườn	-	500.000.000
Phạm Tiến Đức	-	2.600.000.000
Lê Văn Hiền	360.000.000	350.000.000
Lãi vay đã chi trả	1.426.003.000	1.402.067.000
Phạm Văn Khản	1.023.471.000	1.107.646.000
Lại Văn Lườn	75.723.000	77.228.000
Phạm Tiến Đức	326.809.000	197.219.000
Đình Hữu Nam	-	19.974.000
Lê Văn Hiền	53.394.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp Theo)s

Số dư với bên liên quan:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả vay ngắn hạn	17.890.000.000	17.890.000.000
Phạm Văn Khấn	12.840.000.000	12.840.000.000
Lại Văn Lườn	950.000.000	950.000.000
Phạm Tiến Đức	4.100.000.000	4.100.000.000
Lê Văn Hiến	700.000.000	340.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc (Lương, thưởng, cổ tức)

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng, phụ cấp	2.566.954.345	2.617.915.101
Phạm Văn Khấn	537.019.051	572.674.774
Lại Văn Lườn	492.674.810	499.656.931
Phạm Tiến Đức	481.433.741	471.702.402
Đình Hữu Nam	459.934.045	470.140.455
Lê Văn Hiến	341.555.228	337.434.886
Phạm Văn Quang	254.337.470	266.305.653
Cổ tức		
Phạm Văn Khấn	850.664.200	447.718.000
Lại Văn Lườn	237.178.900	124.831.000
Phạm Tiến Đức	308.187.600	162.204.000
Đình Hữu Nam	152.000.000	80.000.000
Lê Văn Hiến	152.000.000	80.000.000
Phạm Văn Quang	220.730.600	116.174.000

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.



Phạm Văn Khấn
Tổng Giám đốc
 Hải Phòng, ngày 21 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng

Lê Văn Hiến
Người lập